

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 13/05 – 19/05

PHÒNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM
VÀ GIÁM SÁT GIAO DỊCH VỐN

Mỹ	Chỉ số DXY giảm 0,81% xuống 104,46 trong tuần này. Chỉ số DXY đã chạm mức 104,08 vào giữa tuần (mức thấp nhất kể từ đầu tháng 4) sau tin lạm phát CPI tháng 4 tăng 0,3% (so với dự báo 0,4%). Tin này cũng kéo lợi suất TPCP 10 năm xuống mức thấp nhất trong 6 tuần (4,34%/năm). Cuối tuần, xu hướng giảm giá của USD chững lại sau tin số đơn trợ cấp thất nghiệp giảm ~10.000 so với tuần trước, còn 222.000. Giá trị đồng USD có thể sẽ ổn định trong thời gian tới khi thị trường đang chờ thông tin chỉ số PCE được công bố vào ngày 31/05.
Khu vực đồng Euro	EUR/USD chốt tuần ở mức 1,087, tăng 0,94% trong tuần này, chịu ảnh hưởng từ sự yếu đi của USD và các dữ liệu kinh tế đạt dự báo: GDP tăng 0,4% so với năm trước, chỉ số việc làm tăng 1%, CPI tăng 2,4% yoy,... Thị trường tiếp tục giữ kỳ vọng ECB sẽ có đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên vào tháng 6.
Anh	GBP tăng 1,42% và chốt tuần ở mức 1,2699 khi USD có xu hướng yếu đi. BoE dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất vào mùa hè, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng GDP mạnh hơn dự kiến gần đây có thể đẩy lùi thời gian dự kiến cho đến sau khi ECB bắt đầu có những động thái mới.
Nhật Bản	USD/JPY giảm 0,5% vào giữa tuần sau khi Mỹ công bố chỉ số CPI, tuy nhiên, đã hồi phục 0,5% lên mức 155,65 sau khi Nhật Bản công bố chỉ số GDP Quý I/24 giảm 2% sv năm trước Tăng trưởng âm đã đặt ra nghi ngờ liệu NHTW Nhật Bản có còn dự định tăng lãi suất trong thời gian tới.
Trung Quốc	USD/CNY có xu hướng giảm vào cuối tuần, chốt tuần ở mức 7,2234, trong bối cảnh sản xuất công nghiệp tăng 6,7% sv cùng kỳ và tốt hơn dự báo 5,5%, tỷ lệ thất nghiệp của Trung Quốc bất ngờ giảm còn 5,0% từ mức 5,2% trong tháng 3.

Lãi suất

- Lãi suất MM **giảm 8 – 21bps** trong tuần này: lãi suất kỳ hạn O/N-1W còn **3,95%-4,22%/năm**, 1M về mức **4,65%/năm**.
- Trong tuần, thị trường mở ở trạng thái hút ròng: khối lượng giao dịch reverse repo đạt ~7.506 tỷ VND so với lượng đáo hạn là ~ 7.338 tỷ VND; khối lượng tín phiếu đạt 20.606 tỷ VND so với lượng đáo hạn 13.100 tỷ VND. Lãi suất trúng thầu tín phiếu tăng lên mức 3,85%/năm.
- Trong tuần từ 20/05, dự kiến đáo hạn ~11.400 tỷ VND tín phiếu và ~7.506 tỷ VND reverse repo. Trong bối cảnh NHNN cần tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất MM đủ cao để hỗ trợ tỷ giá, mặt bằng lãi suất MM dự kiến duy trì quanh mức trên 4%/năm.

Tỷ giá

- **USD/VND LNH** ổn định so với tuần trước dù USD yếu đi so với các ngoại tệ khác nhưng nhu cầu mua ngoại tệ cao giữ tỷ giá dao động sát mức giá bán niêm yết của NHNN. Tỷ giá LNH đã **tăng ~4,95%** kể từ đầu năm và **tăng 8,51%** so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ giá thị trường tự do giữ ở mức **25.759** (chiều bán), cao hơn **~309 đồng** so với tỷ giá bán niêm yết của VCB, trong bối cảnh khoảng cách với giá vàng quốc tế thu hẹp về mức ~16 triệu đồng/lượng (chủ yếu do giá vàng quốc tế tiếp tục tăng trong khi giá vàng trong nước chưa tăng sau các phiên đấu thầu vàng của NHNN).
- Tuần tới, tỷ giá LNH dự kiến dao động trong khoảng +/- 25 đồng.

Trái phiếu chính phủ

Sơ cấp

- Trong 2 tuần, KBNN phát hành thành công **6.755 tỷ đồng/10.000 tỷ VND** gọi thầu. Tổng khối lượng phát hành từ đầu năm đạt **120.790 tỷ VND**, đạt **30,2%** kế hoạch cả năm (400 nghìn tỷ đồng). Tỷ lệ trúng thầu kỳ hạn 5 năm đạt 100%, 10 năm đạt 87% và 15 năm, 20 năm và 30 năm đạt lần lượt 25%, 80% và 100%.
- Lợi suất trúng thầu **tăng 3bps** tại tất cả các kỳ hạn: 5 năm – **2,15%/năm**, 10 năm – **3,1%/năm**, 15 năm – **3,1%/năm**, 20 năm – **3,15%/năm**, 30 năm – **3,25%/năm**.

Thứ cấp

- Lãi suất TPCP thứ cấp các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm **giảm** trong bối cảnh lãi suất MM giảm và tỷ giá ổn định hơn. Lợi suất ở các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm **giảm 0,2 – 1,8 bps** lần lượt còn **2,01%/năm, 2,74%/năm và 2,96%/năm**.
- Dự kiến với việc lãi suất tín phiếu tăng lên mức 3,85%/năm, và mặt bằng MM vẫn ở mức cao, lợi suất trong tuần có thể dao động +/- 5-10 bps.

Cà phê

- Thị trường cà phê tiếp tục **giảm** trong tuần này. Những cơn mưa lớn tại Việt Nam góp phần hạ nhiệt giá cà phê Arabica và Robusta, ghi nhận mức giảm **~1,8%** và **~1,1%** so với tuần trước, xuống mức **1,979 USD/lb** và **3.439 USD/tấn**.

Ngũ cốc

- Giá lúa mì **tăng 4,40%** so với tuần trước sau khi lo ngại về thời tiết khắc nghiệt tại Nga sẽ làm ảnh hưởng tới sản lượng. Thông tin này cũng kéo giá ngô **tăng 0,11%** so với tuần trước, tuy nhiên, mức tăng không lớn khi Mỹ thông báo doanh số xuất khẩu không khả quan.

Kim loại

- Giá đồng **tăng 6,51%** so với tuần trước, đạt mức **4,886 USD/lb** do ảnh hưởng từ sự yếu đi của đồng USD và sự gia tăng kỳ vọng của thị trường về đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên vào tháng 9 của Fed. Quặng sắt ghi nhận mức **tăng 2,56%** sau khi Trung Quốc đưa ra những chính sách kích thích thị trường bất động sản góp phần nâng cao kỳ vọng của nhà đầu tư về ngành sản xuất sắt thép.

Năng lượng

- Nhu cầu tiêu thụ dầu thô tăng lên sau khi Mỹ công bố dữ liệu kinh tế về lạm phát và việc làm củng cố kỳ vọng về việc cắt giảm kỳ vọng vào tháng 9. Dầu WTI và dầu Brent ghi nhận mức **tăng 0,83% và 0,6%** so với tuần trước, chạm mức **79,23 USD/ounce** và **83,27 USD/ounce**.

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

	17/05/2024	5 phiên qua	5D (+/-)	MTD (+/-)	YTD (+/-)	YOY (+/-)
Chỉ số USD	104,445		▼ -0,81%	▼ -1,41%	▲ 3,07%	▲ 1,52%
EUR/USD	1,087		▲ 0,94%	▲ 1,66%	▼ -1,50%	▲ 0,29%
GBP/USD	1,2699		▲ 1,42%	▲ 1,68%	▼ -0,24%	▲ 1,71%
AUD/USD	0,6692		▲ 1,38%	▲ 2,43%	▼ -1,73%	▲ 0,50%
USD/JPY	155,650		▼ -0,04%	▼ -1,69%	▲ 10,34%	▲ 13,06%
USD/CNY	7,2234		▼ -0,04%	▼ -0,32%	▲ 1,77%	▲ 3,22%
USD/KRW	1.351,76		▼ -1,31%	▼ -1,79%	▲ 4,43%	▲ 1,31%
Giá vàng (USD/oz)	2.415,6		▲ 2,32%	▲ 3,31%	▲ 17,09%	▲ 21,85%
Tỷ giá VCB bán	25.450		▼ -0,13%	▼ -0,03%	▲ 4,13%	▲ 7,72%
Tỷ giá trung tâm	24.239		▼ -0,13%	▼ -0,03%	▲ 1,56%	▲ 2,46%
Tỷ giá SBV mua	23.400		0,00%	0,00%	0,00%	▼ -0,21%
Tỷ giá SBV bán	25.450		0,00%	0,00%	▲ 1,76%	▲ 2,67%
Tỷ giá TT tự do	25.759		▲ 0,04%	▼ -0,13%	▲ 3,90%	▲ 9,87%
Giá vàng SJC	90.000		▼ -2,60%	▲ 6,76%	▲ 21,62%	▲ 34,43%

* Giá tham khảo. Nguồn: Refinitiv

	17/05/2024	5 phiên qua	5D (+/-)	MTD (+/-)	YTD (+/-)	YOY (+/-)
Lãi suất SOFR	đơn vị: %		đơn vị: bps			
3M	5,32		▼ 0,0	▲ 0,4	▼ -3,5	▲ 24,6
6M	5,33		▲ 0,4	▼ -0,2	▼ -0,6	▲ 21,3
TPCP Mỹ	đơn vị: %					
2Y	4,83		▼ -4,5	▼ -21,1	▲ 57,8	▲ 66,7
10Y	4,42		▼ -7,9	▼ -26,0	▲ 55,6	▲ 85,0
Lãi suất MM	đơn vị: %		đơn vị: điểm %			
1W	4,22		▼ -0,21	▼ -0,60	▲ 0,94	▼ -0,69
1M	4,65		▼ -0,15	▼ -0,30	▲ 2,09	▼ -0,48
Lãi suất repo	đơn vị: %		đơn vị: điểm %			
2W	4,40		▼ -0,30	▼ -0,60	▲ 1,70	▲ 1,40
1M	4,50		▼ -0,30	▼ -0,50	▲ 1,80	▲ 0,70
TPCP VN thứ cấp	đơn vị: %		đơn vị: bps			
5Y	2,011		▼ -1,8	▼ -8,0	▲ 47,8	▼ -43,1
7Y	2,269		▼ -0,2	▼ -3,7	▲ 32,8	▼ -42,6
10Y	2,745		▼ -0,2	▼ -4,8	▲ 50,8	▼ -26,2
15Y	2,959		▼ -1,2	▼ -3,7	▲ 52,4	▼ -15,2

* Giá tham khảo. Nguồn: Refinitiv

DỮ LIỆU KINH TẾ VĨ MÔ

Đơn vị		02/23	03/23	04/23	05/23	06/23	07/23	08/23	09/23	10/23	11/23	12/23	01/24	02/24	03/24	04/24
Chỉ báo tiêu dùng																
Bán lẻ, dịch vụ	% yoy	13,2	13,4	11,5	11,5	6,5	7,1	7,6	7,5	7,0	10,1	9,3	8,1	8,5	9,2	9,0
- Bán lẻ hàng hoá	% yoy	10,5	11,3	9,7	10,9	6,0	7,0	7,5	7,4	6,7	9,1	8,6	7,3	7,0	7,6	7,2
- Dịch vụ lưu hành	% yoy	94,7	113,9	86,0	40,3	7,8	6,5	21,3	44,9	51,4	70,9	71,3	18,5	35,8	66,1	57,6
Vận tải hành khách	% yoy	23,7	17,4	17,0	13,6	1,8	5,3	5,9	5,7	6,5	5,1	8,5	3,0	14,3	9,4	8,2
Vận tải hàng hoá	% yoy	27,8	24,0	21,0	20,7	10,9	9,8	13,6	12,5	11,9	7,7	8,2	1,8	13,5	13,3	11,5
Khách quốc tế	% yoy	3060,8	2045,2	871,0	429,8	312,0	194,6	150,3	144,1	129,7	106,6	93,9	10,3	64,1	78,6	58,2
Chỉ báo sản xuất																
Sản xuất công nghiệp	yoy	3,6	-1,6	0,5	0,1	2,8	3,7	2,6	5,1	4,1	5,8	5,8	18,3	5,7	4,1	6,3
- Chế biến chế tạo	yoy	3,3	-1,6	0,2	-0,5	2,9	3,6	3,5	5,9	4,9	6,3	7,6	19,3	5,9	4,6	7,0
PMI ngành sản xuất	chỉ số	51,2	47,7	46,7	45,3	46,2	48,7	50,5	49,7	49,6	47,3	48,9	50,3	50,4	49,9	50,3
PMI-chỉ số việc làm	chỉ số	51,2	47,7	44,8	47,2	45,0	48,5	49,7	48,3	50,1	48,8	49,9	49,7	50,9	52,1	
Tỷ lệ thất nghiệp (quý)	%				2,3			2,3			2,3			2,2		
Sử dụng lao động - CBCT	% yoy	-1,1	-2,4	-3,7	-4,8	-4,5	0,9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	0,5	0,3	1,1	3,4
Tổng vốn đầu tư	% yoy				5,5			7,6			7,5			5,2		
Đầu tư nước ngoài																
Vốn đăng ký mới	tỷ USD	1,4	2,3	3,4	2,0	2,6	2,8	1,9	2,1	5,6	3,1	7,8	2,4	1,9	0,5	
- Chế biến chế tạo	tỷ USD	0,8	1,8	1,2	1,5	1,8	2,5	1,4	1,7	4,8	2,1	2,5	0,9	1,6	1,4	
Vốn giải ngân	tỷ USD	1,2	1,8	1,5	1,8	2,4	1,6	1,5	2,8	2,1	2,3	2,9	1,5	2,5	3,5	
Thương mại																
Xuất khẩu hàng hóa	% yoy	-9,0	-11,0	-17,1	-5,9	-11,4	-3,5	-7,6	4,6	5,9	6,7	13,1	42,0	-5,0	14,2	10,6
Nhập khẩu hàng hóa	% yoy	-16,2	-15,0	-20,5	-18,4	-16,9	-9,9	-8,3	2,6	5,2	5,1	12,3	33,3	1,8	9,7	15,4
Cán cân hàng hóa	tỷ USD	-2,0	1,4	2,7	2,0	3,1	2,2	3,8	2,3	3,0	1,3	2,3	2,9	1,1	2,9	0,7
Cán cân dịch vụ (quý)	tỷ USD				-2,2			-2,6			-2,8			-2,3		
Chỉ số giá																
Lạm phát toàn phần	% yoy	4,3	3,4	2,8	2,4	2,0	2,1	3,0	3,7	3,6	3,4	3,6	3,4	4,0	3,8	3,9
Lạm phát cơ bản	% yoy	5,0	4,9	4,6	4,5	4,3	4,1	4,0	3,8	3,4	3,2	3,0	2,7	3,0	2,8	2,8
Chỉ số giá đầu vào - PMI	chỉ số	57,6	53,4	50,4	48,4	47,6	48,3	52,8	54,7	55,8	55,9	55,5	55,6	55,0	53,0	
Chỉ số giá đầu ra - PMI	chỉ số	53,6	50,6	48,2	48,4	45,9	46,0	51,2	51,9	52,4	52,1	50,2	49,7	50,8	49,6	8

Một số dữ liệu công bố đáng chú ý trong tuần từ **20/04-24/05**

20/05

✓ **Đức:** Chỉ số PPI (Tháng 4) (mom) (yoy)

21/05

✓ **Khu vực đồng Euro:** Cán cân thương mại (Tháng 3)

✓ **Nhật Bản:** Xuất – Nhập khẩu (Tháng 4), Cán cân thương mại (Tháng 4)

22/05

✓ **Anh:** CPI (Tháng 4) (mom) (yoy), Chỉ số PPI (Tháng 4) (mom) (yoy)

✓ **Nhật Bản:** PMI sản xuất, PMI dịch vụ (dự báo Tháng 5)

23/05

✓ **Khu vực đồng Euro, Anh:** PMI sản xuất, PMI dịch vụ (dự báo Tháng 5)

✓ **Khu vực đồng Euro:** Chỉ số niềm tin người tiêu dùng (Tháng 5)

✓ **Nhật Bản:** CPI (Tháng 4) (mom) (yoy)

24/05

✓ **Anh:** Doanh số bán lẻ (Tháng 4) (mom) (yoy)

✓ **Đức:** GDP Quý I/2024 (qoq) (yoy)

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây. Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này. Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB. Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật.

*Thông tin liên hệ: Phòng Phát triển sản phẩm và Giám sát giao dịch vốn
Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137
Email: @vietcombank.com.vn*